

PHỤ TỪ NGHI VẤN, ĐẠI TỪ NGHI VẤN VÀ TIỂU TỪ TÌNH THÁI NGHI VẤN TIẾNG VIỆT

TRẦN KIM PHƯƠNG¹

Abstract: Among the various linguistic devices used to construct interrogative sentences in Vietnamese, question words play a particularly crucial role. These words are not uniform in terms of word class and communicative function. Specifically, three categories - pronouns, particles, and adverbs are frequently employed to form interrogativity. To date, however, there has been no comprehensive comparative analysis of these categories. Drawing on the framework of Functional Grammar, the article examines the grammatical, semantic, and pragmatic properties of interrogative adverbs, interrogative pronouns, and interrogative modal particles. The findings highlight both convergences and divergences across the three categories.

Keywords: *interrogative pronouns, interrogative adverbs, interrogative modal particles, interrogative sentences, Functional Grammar*

1. Đặt vấn đề

Câu nghi vấn tiếng Việt được tạo bởi hai dấu hiệu: (1) từ nghi vấn, (2) dấu hỏi chấm (trên phương diện văn tự)/ ngữ điệu (trên phương diện lời nói). Các từ nghi vấn không thuần nhất về mặt từ loại và cả về mục đích hỏi. Ba nhóm từ loại chuyên được dùng để thiết kế câu hỏi là đại từ, phụ từ và tiểu từ tình thái (xin gọi tắt là tiểu từ). Các nhóm này, hoặc một vài từ trong nhóm, có thể được nhắc đến trong các công trình nghiên cứu ngữ pháp tiếng Việt, nhưng thường là lẻ tẻ và chỉ trên một bình diện. Chưa có công trình nào đi sâu phân tích ba nhóm này trong sự so sánh với nhau. Cũng chưa có công trình nào nghiên cứu cả ba nhóm dựa vào khung lý thuyết ngữ pháp chức năng, cụ thể là trên ba bình diện ngữ pháp, ngữ nghĩa và ngữ dụng.

2. Phương pháp nghiên cứu và tư liệu khảo sát

Phương pháp nghiên cứu chủ yếu là phương pháp miêu tả, với các thủ pháp thống kê, phân loại; thủ pháp so sánh; thủ pháp lược,... Tư liệu khảo sát được khai thác từ Chương trình tra cứu Ngữ cảnh tiếng Việt của Viện Từ điển học và Bách khoa thư Việt Nam. Kết quả tra cứu cho thấy mỗi từ xuất hiện tới hơn 1.000 lần, với các ngữ cảnh khác nhau². Trước hết, để đáp ứng tiêu chí là từ nghi vấn, các câu được lọc ra từ kho ngữ liệu phải là câu nghi vấn. Các từ nghi vấn sẽ được phân loại theo những tiêu chí nhất định. Các từ không dùng trong câu nghi vấn có thể được sử dụng để đối chiếu khi cần. Một số ví dụ có thể lấy trong giao tiếp hàng ngày.

3. Cơ sở lý luận

Ngữ pháp chức năng (NPCN) là một lý thuyết và một hệ phương pháp được xây dựng trên quan điểm coi ngôn ngữ như một phương tiện thực hiện sự giao tiếp giữa người với người. Để miêu tả một đơn vị ngôn ngữ trong sử dụng, cần phân tích nó trên cả ba bình diện: kết học, nghĩa học và dụng học. Trong đó, kết học nghiên cứu mối quan hệ giữa các đơn vị ngôn ngữ với nhau. Nghĩa học quan tâm tới mối quan hệ giữa ngôn ngữ với thực tại khách quan, còn dụng học quan tâm tới mối quan hệ giữa ngôn ngữ với người sử dụng. Bài viết này mô tả và so sánh các từ nghi vấn trên cả ba bình diện.

Về đại từ, phụ từ và tiểu từ, đã có nhiều nhà nghiên cứu bàn đến như Nguyễn Kim Thản [6], Đinh Văn Đức [2], Lê Biên [1], Cao Xuân Hạo [3], [4], Bùi Minh Toán [7],... Tuy nhiên, các tác giả chưa tập trung phân tích các nhóm từ nghi vấn, cũng chưa so sánh chúng với nhau. Hướng nghiên cứu

¹ Trường Đại học Sư phạm Hà Nội; Email: tkphuong70@yahoo.com

² Ngữ liệu được khai thác dưới sự giúp đỡ của PGS.TS Phạm Hùng Việt.

thường là trên một bình diện - bình diện ngữ pháp. Riêng Cao Xuân Hạo đã miêu tả các từ nghi vấn trên bình diện ngữ dụng. Chúng tôi kế thừa kết quả nghiên cứu từ các công trình đi trước để phân tích sâu hơn và toàn diện hơn về ba nhóm từ này.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Từ nghi vấn trên phương diện ngữ pháp

4.1.1. Đại từ nghi vấn

* Đại từ nghi vấn là đại từ dùng để chỉ những sự vật hoặc những sự tình chưa được xác định, với mục đích là để hỏi. Ví dụ: *ai, gì, nào, sao, bao nhiêu, đâu,...*

Tuy nhiên, các từ *ai, gì, nào, sao, bao nhiêu, đâu,...* có thể được dùng với hai tư cách: (1) Dùng để hỏi, được gọi là đại từ nghi vấn; (2) Dùng để chỉ chung mọi sự vật, nơi chốn, thời gian,... được gọi là đại từ phiếm chỉ. So sánh:

- *Ai cũng biết, lá buồm cũng như cánh diều, muốn ăn gió thì phải nhờ sợi dây lèo.* (Thấp thoáng hồn xưa - Băng Sơn)

- *Ai nói với mây như vậy?* (Vòng tròn bội bạc - Chu Lai)

Ai trong câu đi trước là đại từ phiếm chỉ. *Ai* trong câu đi sau là đại từ nghi vấn. Bài viết này quan tâm tới đại từ nghi vấn.

* Về mặt vị trí, đại từ nghi vấn không chiếm một vị trí cố định, duy nhất trong câu mà chúng tương đối linh hoạt. Ví dụ, từ *ai* có thể đứng đầu hoặc cuối câu:

- *Ai nói với mây như vậy?* (Vòng tròn bội bạc - Chu Lai)

- *Ngõ hẻm này thì vắng tanh, biết cầu cứu ai?* (15 truyện ngắn Lưu Quang Vũ)

Từ *bao nhiêu* cũng có thể đứng đầu hoặc cuối câu: *Bao nhiêu tiền một cân gạo? Gạo này giá bao nhiêu?*

* Về khả năng kết hợp, các đại từ nghi vấn có khả năng kết hợp đa dạng. Chúng có thể đi với danh từ, động từ hoặc đứng độc lập để tạo câu nghi vấn. Ví dụ về đại từ *gì*:

- *Có việc gì đấy Hương?* (Thời xa vắng - Lê Lựu) (*Gì* đứng sau danh từ *việc*)

- *Nghĩ gì buồn thế anh Sài?* (Thời xa vắng - Lê Lựu) (*Gì* đứng sau động từ *nghĩ*)

Trường hợp đặc biệt, *gì* có thể đứng trong câu quan hệ. Ví dụ:

- *Thế thì dư luận là gì ạ?* (Thời xa vắng - Lê Lựu)

Từ *gì* còn có thể đứng độc lập để tạo câu nghi vấn. Ví dụ:

- *Gì thế?* (Phần hồn - Nguyễn Mạnh Tuấn)

Riêng từ *bao nhiêu* chỉ đi với danh từ, đứng trước danh từ (Nó được sử dụng như một từ chỉ lượng, vốn chiếm vị trí -3 trong cấu trúc danh ngữ). Ví dụ:

- *Sự chênh lệch lượng mưa... là khoảng bao nhiêu milimet?* (Địa lý 7)

Hoặc nó có thể đứng cuối câu, khi ấy, danh từ sau nó được tỉnh lược. Ví dụ:

- *Lượng mưa cả năm khoảng bao nhiêu?* (Địa lý 7)

* Về chức vụ cú pháp, Đinh Văn Đức nhận định: “Do chức năng ngữ pháp của đại từ là chức năng thay thế, cho nên ở trong câu, đại từ có thể giữ những chức vụ ngữ pháp khác nhau của các từ mà chúng thay thế,... làm các thành phần khác nhau trong câu [2, tr.201]. Tuy nhiên, ông không đưa ra ví dụ minh họa. Lê Biên có đưa ví dụ minh họa về chức vụ ngữ pháp của đại từ nhân xưng và đại từ thay thế [1, tr.122], song ông hoàn toàn không nhắc đến đại từ nghi vấn.

Theo chúng tôi, đại từ nghi vấn vẫn đảm nhiệm được các chức vụ ngữ pháp trong câu vì hai lí do: (1) Dù không mang nghĩa cụ thể nhưng chúng vẫn có khả năng lấp đầy cấu trúc cú pháp; và (2) Dù chúng chỉ được dùng để hỏi nhưng lại không thể lược bỏ, vì nếu lược bỏ, câu sẽ không hoàn chỉnh về

câu tạo. Xét ví dụ:

- *Anh gặp ai?* (* *Anh gặp* - không phải là câu. Do vậy, theo chúng tôi, *ai* vẫn phải đảm nhiệm một chức vụ cú pháp trong câu, là bộ ngữ của động từ *gặp*)

- *Ai gõ cửa vậy?* (* *Gõ cửa vậy* - không phải là câu. Trong câu này, từ *ai* dù trống nghĩa nhưng vẫn rất quan trọng về mặt ngữ pháp. Nó là chủ ngữ).

4.1.2. *Phụ từ nghi vấn*

* Phụ từ là từ loại luôn đi kèm với động/ tính từ (gọi chung là vị từ), để bổ sung cho vị từ một ý nghĩa ngữ pháp nào đó. Các phụ từ *có, không, chưa* là phụ từ khẳng định hoặc phủ định; *đã* là phụ từ thời gian. Khi dùng để hỏi, chúng là phụ từ nghi vấn.

* Về khả năng kết hợp, các phụ từ nghi vấn luôn đóng vai trò thành tố phụ cho vị từ. Để tạo câu nghi vấn, có 2 dạng mô hình: mô hình đầy đủ và mô hình rút gọn.

Dạng 1: Mô hình đầy đủ. Các phụ từ được dùng thành cặp với chức năng hỏi: *đã - chưa? có - không?*

S	<i>đã</i>	V	<i>chưa?</i>
<i>Họ</i>	<i>đã</i>	<i>đến</i>	<i>chưa?</i>

S	<i>có</i>	V	<i>không?</i>
<i>Họ</i>	<i>có</i>	<i>đến</i>	<i>không?</i>

(S: chủ ngữ; V: vị từ)

Một số ví dụ:

- Anh *có* nghe thấy em nói gì *không?* (*Lời của gió* - Duy Thái)

- Liệu ở nhà anh *đã* biết tin này *chưa?* (*Thời xa vắng* - Lê Lựu)

Dạng 2: Mô hình rút gọn. Rút gọn từ *có/ đã* vẫn đứng trước vị từ.

Ví dụ: - *Thầy yêu tôi thật không?* (*Thời xa vắng* - Lê Lựu)

- Em biết tin gì *chưa?* (*Thời xa vắng* - Lê Lựu)

S	V	<i>chưa?</i>
<i>Em</i>	<i>biết tin gì</i>	<i>chưa?</i>

S	V	<i>không?</i>
<i>Thầy</i>	<i>yêu tôi</i>	<i>(thật) không?</i>

* Về chức vụ ngữ pháp: Giống như các phụ từ nói chung, phụ từ nghi vấn không giữ chức năng thành phần câu. Chúng có thể dễ dàng bị lược bỏ mà câu vẫn hoàn chỉnh về mặt cấu tạo. Ví dụ:

(1a) Anh *có* nghe thấy em nói gì *không?* -> (1b) Anh nghe thấy em nói.

(2a) Em *đến chưa?* -> (2b) Em đến.

Những câu 1b, 2b vẫn là câu đúng ngữ pháp. Chỉ là sau khi tinh lược, mục đích phát ngôn của câu sẽ thay đổi: từ nghi vấn thành trần thuật.

4.1.3. *Tiểu từ nghi vấn*

* Tiểu từ nghi vấn là một tiểu loại của tiểu từ tình thái³, được dùng để làm rõ mục đích của phát ngôn. Chúng đánh dấu mục đích câu khiến, nghi vấn hay cảm thán. Nhóm này gồm: *à, ơ, mà, nhỉ, nhé, ừ, há, hử, chẳng...* Ví dụ: Mục đích câu khiến: *Đi nhé!*; Mục đích nghi vấn: *Anh đến hử?*; Mục đích cảm thán: *Em ăn phở ơ!* Cao Xuân Hạo gọi tiểu từ tình thái là **ngữ khí từ** “dùng để biểu hiện tình thái của hành động phát ngôn, làm cho câu có một sắc thái ngôn ngữ riêng” [4, tr.119]. Ông cũng khẳng định ngữ khí từ được đặt ở cuối câu và được phát âm không có trọng âm.

Ngoài việc làm rõ mục đích phát ngôn, tiểu từ tình thái còn bộc lộ tình cảm, thái độ của người nói đối với nội dung câu hay đối với người nghe. Trong số này, có nhóm tiểu từ nghi vấn: *à, ư, nhé, hử, há, sao, phỏng...* được dùng trước hết là với mục đích hỏi.

Tuy nhiên, cũng cần phân biệt các tiểu từ nghi vấn với tình thái từ. Ví dụ:

(1) *Sinh năm 1960 à?* (*Hơn cả tuyết vời* - Uất Kim Hương)

³ Do vậy, nếu gọi đầy đủ thì phải gọi là “tiểu từ **tình thái** nghi vấn”. Lê Biên gọi là “trợ từ tình thái”.

(2) À, mời đồng chí Phúc vào đây. (Mảnh đất lắm người nhiều ma - Nguyễn Khắc Trường)

(3) ... Em cho tôi bầy tỏ lòng quý mến của tôi với em nhé, Hoan à. (Ngược dòng nước lũ - Ma Văn Kháng)

Chỉ có ở (1), từ à mới là tiểu từ nghi vấn. Trong (2) và (3), à là tiểu từ tình thái, được dùng để bộc lộ cảm xúc (vui mừng, ngạc nhiên như vừa nhớ ra một điều gì đó - ví dụ 2) hoặc dùng để gọi, thu hút sự chú ý của người nghe (ví dụ 3). Chúng nằm trong câu trần thuật. Tiểu từ tình thái có thể đứng đầu hoặc cuối câu, còn tiểu từ nghi vấn thì chỉ đứng cuối câu.

* Về khả năng kết hợp: Tiểu từ nghi vấn đi sau động từ, cụm động từ; dùng để kết thúc câu. Ví dụ:

- Ngủ nhé?

- Mày lại về vét com nguội đấy à? (Bến không chồng - Dương Hương)

Theo Lê Biên, “Với ý nghĩa tình thái, một số trợ từ tình thái (tiểu từ tình thái) có khả năng dạng thức hoá một từ, một ngữ thành một phát ngôn. Ví dụ, “Nước” hay “Đi” chưa phải là câu nhưng “Nước ư?”, “Đi nhé!” sẽ là câu [1, tr.170].

* Về chức vụ cú pháp: Tiểu từ nghi vấn không đóng vai trò thành phần câu. Chúng là hư từ, không đảm nhiệm các chức vụ chủ ngữ, vị ngữ,... Khi chúng bị tỉnh lược, câu không sai về ngữ pháp, chỉ chuyển đổi mục đích phát ngôn từ nghi vấn sang trần thuật.

Ví dụ: Cô ấy quên chăng? Có thể tỉnh lược từ chăng: Cô ấy quên là một câu đầy đủ.

4.2. Từ nghi vấn trên phương diện ngữ nghĩa

Trong ba nhóm từ nghi vấn, các nhà nghiên cứu đều xếp phụ từ và tiểu từ vào nhóm hư từ. Riêng quan điểm về đại từ thì không thống nhất. Đinh Văn Đức [2] xếp đại từ vào nhóm thực từ; Lê Biên xếp đại từ vào nhóm các từ loại không cơ bản (cùng với phụ từ và tình thái từ). Bùi Minh Toán cho rằng “Đại từ không tiêu biểu cho thực từ” [7, tr.45], nhưng cũng không xếp đại từ vào nhóm hư từ.

Theo chúng tôi, cả ba nhóm đều không đóng vai trò thành tố trung tâm trong cụm từ, nhưng đại từ có chức năng thay thế - mà khi thay thế cho từ loại nào thì nó sẽ mang chức năng của từ loại ấy, do vậy, đại từ - cụ thể là đại từ nghi vấn - vẫn tham gia biểu hiện nghĩa sự vật. Tiểu từ nghi vấn vốn thuộc nhóm tình thái từ nên sẽ chỉ tham gia đánh dấu nghĩa tình thái. Còn phụ từ nghi vấn chỉ đánh dấu loại tình thái của hành động nói: hành động nghi vấn, không biểu hiện tình thái của phát ngôn.

4.2.1. Từ nghi vấn trên phương diện nghĩa sự vật

4.2.1.1. Vai trò của các từ nghi vấn trong cấu trúc nghĩa sự vật

Trong các sách ngữ pháp, khi phân tích nghĩa sự vật của câu, không có tác giả nào bàn đến kiểu câu nghi vấn. Các ví dụ đưa ra minh hoạ đều là câu trần thuật. Do vậy, đối tượng nghiên cứu của chúng tôi - vai trò của các từ nghi vấn trong cấu trúc nghĩa sự vật - là hoàn toàn mới mẻ.

* Để xác định các tham thể tham gia vào sự tỉnh, cần sử dụng phép lược. Nếu yếu tố đang xét có khả năng lược bỏ thì có nghĩa là nó không đảm nhiệm vai trò của một thành tố nghĩa nào. Ngược lại, nếu không thể lược bỏ, nó sẽ đảm nhiệm một vai nghĩa nhất định. Dùng phép lược, có thể thấy tất cả các phụ từ nghi vấn và tiểu từ nghi vấn đều có khả năng lược bỏ. Do vậy, hai nhóm này sẽ không tham gia vào cấu trúc nghĩa sự vật của câu. Riêng đại từ nghi vấn, khả năng lược bỏ của các từ trong nhóm là không thuần nhất, do vậy, cần xem xét riêng từng từ.

(1) Từ sao

Ví dụ: Sao anh không đến?

Khi lược bỏ từ sao, Anh không đến vẫn là một câu trọn vẹn. Như vậy, sao không đóng vai trò tham thể.

(2) Từ bao nhiêu, mấy

(a) Quyển sách này giá bao nhiêu? (Không thể lược bao nhiêu)

(b) Bao nhiêu tiền quyển sách này? (Không thể lược bao nhiêu)

(c) Mấy nghìn cái bút này? (Không thể lược mấy)

(d) *Cái cột này cao mấy mét?* (Có thể lược mấy (cùng với mét)

Bốn ví dụ trên cho thấy nếu trong câu không có vị từ (ví dụ a, b, c chỉ có danh từ, đại từ), các từ *mấy*, *bao nhiêu* bắt buộc phải có mặt. Nhưng nếu trong câu đã có một vị từ (ví dụ d có vị từ *cao*) thì các từ đều có thể lược bỏ.

(3) Từ *ai*

Như đã chứng minh ở 4.1.1, từ *ai* rất quan trọng trong cấu trúc câu, không thể lược bỏ.

(4) Từ *đâu, gì*

- *Anh ta đâu?* Không bỏ được từ *đâu*. Câu này cũng có thể xem là câu rút gọn vị từ (*Anh ta ở đâu?*).

- *Anh ta đi đâu?* Có thể lược bỏ từ “*đâu*”.

- *Nam thích gì?* Có thể lược bỏ từ “*gì*”.

Như vậy, nếu trong câu không có vị từ, các từ *gì, đâu* cũng không thể lược bỏ. Những trường hợp đặc biệt theo kiểu: *Gì thế? Gì đấy?*, tạm thời chúng tôi không xét.

4.2.1.2. Khả năng đảm nhiệm vai trò thành tố nghĩa của đại từ nghi vấn

Đại từ nghi vấn có thể được dùng để thay thế cho danh từ nên chúng có thể đảm nhiệm 2 vai nghĩa: chủ thể và đối thể trong cấu trúc nghĩa sự vật.

* Thể hành động trong sự tình hành động: *Ai đánh nó?*

* Thể mang trạng thái trong sự tình trạng thái: *Ai sẽ thương cháu?*

* Thể mang tư thế trong sự tình tư thế: *Ai đang ngồi đấy?*

* Thể mang đặc điểm trong sự tình đặc điểm: *Ai xinh hơn cô ta?*

* Thể đối tượng trong sự tình hành động: *Nó đánh ai?*

* Thể đối tượng trong sự tình trạng thái: *Nam yêu ai?*

* Thể đồng nhất trong sự tình quan hệ: *Các anh là ai thế?* (Lê Lựu); *Thế thì dư luận là gì a?* (Lê Lựu)

* Thể vị trí: *Anh ta đâu?*

4.2.2. Từ nghi vấn trên phương diện nghĩa tình thái

4.2.2.1. Tình thái của hành động nói

Tất cả các từ nghi vấn đều có chức năng đánh dấu mục đích hỏi. Nhưng mỗi một nhóm, thậm chí mỗi một từ trong nhóm, lại có một tiêu điểm hỏi riêng.

a. Đại từ nghi vấn

Bảng 1. Tiêu điểm hỏi của đại từ nghi vấn

STT	Tiêu điểm hỏi	Đại từ nghi vấn	Ví dụ
1	Hỏi về người	<i>ai</i>	Ai gọi đó?
2	Hỏi về vật	<i>gì, nào</i>	Cậu ăn gì? Cậu chọn món nào?
3	Hỏi về địa điểm	<i>đâu</i>	Chúng ta đi đâu?
4	Hỏi về thời gian	<i>bao giờ</i>	Bao giờ anh đi?
5	Hỏi về số lượng	<i>bao nhiêu, mấy</i>	Vàng hôm nay bao nhiêu?
6	Hỏi về hoạt động	<i>gì</i>	Hương đang làm gì?
7	Hỏi về sự tình	<i>sao, gì</i>	Cái gì?/ Sao anh không đến?

b. Phụ từ nghi vấn

Hai cặp phụ từ *có V không* và *đã V chưa* được dùng với 2 mục đích hỏi khác nhau.

Bảng 2. Tiêu điểm hỏi của phụ từ nghi vấn

Tiêu điểm hỏi	Mô hình cấu trúc	Ví dụ
Hỏi để xác nhận hành động, trạng thái, đặc điểm,... của sự vật	- <i>Có V không?</i> - <i>V không?</i>	- <i>Hương có bực em lắm không?</i> (Thời xa vắng - Lê Lựu) - <i>Liệu Hương còn đủ can đảm yêu Sài nữa không?</i>
Hỏi về diễn tiến của hành động, trạng thái,...	- <i>Đã V chưa?</i> - <i>V chưa?</i>	- <i>Cậu ấy đã làm việc gì như đã ghi trong nhật kí chưa?</i> - <i>Cậu đi bộ đội lâu chưa?</i> (Thời xa vắng - Lê Lựu)

c. Tiêu từ nghi vấn

Các tiêu từ nghi vấn khá giống nhau ở chỗ cùng đánh dấu loại câu hỏi tổng quát, biểu thị thái độ hoài nghi, nhưng khác nhau ở một số sắc thái. Những sắc thái khác nhau xin được bàn ở mục 4.2.2.2.

Bảng 3. Tiêu điểm hỏi của tiêu từ nghi vấn

Tiêu điểm hỏi	Tiêu từ nghi vấn	Ví dụ
Hỏi để xác nhận sự việc với ý khẳng định cao	à, há, ư, sao	Quân đã bỏ học rồi <u>ư</u> ? (Thủy hoá đạo tặc - Hoàng Minh Tường)
Hỏi để xác nhận sự việc với ý ngạc nhiên	sao, ư	Mẹ không nhớ những con lỏi đình, những cái tát tai của bố đó <u>sao</u> ...? (Em vẫn yêu màu tím - Trúc Phương)
Hỏi để xác nhận điều mình nhận định	chứ	Nhưng đò có thật <u>chứ</u> ? (Thời xa vắng - Lê Lưu)

4.2.2.2. Tình thái của phát ngôn

Tiêu từ nghi vấn có thể đảm nhiệm chức năng biểu đạt nghĩa tình thái cho câu. Thường thì đó là các ý nghĩa thuộc tình thái chủ quan, tình thái liên cá nhân. Các ý nghĩa tình thái được bộc lộ liên quan đến khoảng cách xã hội, vị thế xã hội tương đối. Ví dụ:

(1) Anh đi à?

(2) Anh đi ư?

Hai phát ngôn đều có mục đích hỏi. Nhưng phát ngôn (1) thể hiện thái độ bình thường của người nói, còn (2) thể hiện sự luyến tiếc, thân mật. Như vậy, xét tình thái liên cá nhân, khoảng cách xã hội giữa người nói và người nghe trong phát ngôn (2) được xem là gần gũi. Xét ví dụ khác:

(1) Anh gọi tôi hử?

(2) Anh gọi tôi há?

(3) Chị gọi em à/ ư?

Với từ nghi vấn hử/ há, phát ngôn (1) và (2) biểu hiện rằng vai giao tiếp của người nói cao hơn hoặc ít nhất là ngang bằng so với người nghe. Còn trong (3), từ “à” vốn được dùng phổ biến (vì mục đích hỏi rõ hơn), đã được dùng theo kiểu biến âm, thành “a” (thường đối với phương ngữ Bắc), vừa biểu hiện sắc thái nghi vấn, vừa thể hiện sự lễ phép của người nói. Như vậy, vị thế xã hội trong (3) là người nói ở vai giao tiếp thấp hơn so với người nghe.

Từ đâu vốn là một đại từ nghi vấn hoặc đại từ phiếm chỉ. Song cũng có trường hợp, đâu vẫn được dùng trong câu nghi vấn nhưng lại mang giá trị tình thái nhiều hơn. Khi đó, nó kết hợp với từ có, thành cặp: có + V + đâu?. Xét ví dụ:

- Nó có đến đâu?

- Trời có mưa đâu?

Đây là kiểu câu phủ định bác bỏ, chỉ xuất hiện trong trường hợp có tiền giả định là đã có ai đó nói rằng nó có đến, trời đang mưa. Có thể khúc giải như sau: Tôi bác bỏ ý kiến của anh rằng nó có đến; tôi khẳng định là nó không đến...

Bùi Minh Toán nhận định: Những từ này tuy bao gồm một số lượng không nhiều nhưng diễn đạt những sắc thái tình cảm, cảm xúc tế nhị, phức tạp [7, tr.50].

4.3. Từ nghi vấn trên phương diện ngữ dụng4.3.1. Đại từ nghi vấn

Trong số các đại từ nghi vấn, từ gì có phạm vi hoạt động khá rộng. Đặc biệt, nó thường được dùng độc lập để hỏi chung cho cả một sự tình. Theo dõi từ gì trong những ngữ cảnh sau:

(1) - Cái gì cơ? - Vàng trán Quách căng ra, nổi rõ những mạch máu.

- Rất nhiều trì trệ. Trì trệ từ giám đốc trở xuống.

- Gì nữa?

- *Nội bộ lung củng, năng suất quá thấp,...* (Vòng tròn bội bạc - Chu Lai)

(2) - *Gì em?*

- *Chồng em sắp về.* (Vòng tròn bội bạc - Chu Lai)

Các câu trả lời hầu hết đều mang thông tin mới, tức là tất cả đều là phần báo - cái mới, không có phần nêu (cái cho sẵn).

Một số trường hợp các đại từ nghi vấn được dùng với mục đích nhấn mạnh ý khẳng định của nội dung phủ định. Ví dụ:

- *Mày thì hiểu gì?* (Ngược dòng nước lũ - Ma Văn Kháng)

- *Và Khiêm đâu có hẹp hòi gì?* (Ngược dòng nước lũ - Ma Văn Kháng)

Hai câu trên có chứa từ *gì* nhưng lại nhằm khẳng định: *Mày không hiểu gì hết; Khiêm không phải người hẹp hòi.* Với những câu như thế này, có thể dùng dấu chấm than kết thúc câu.

Khi đặt câu hỏi có chứa đại từ nghi vấn, người hỏi không thể dự đoán câu trả lời. Ví dụ, *Ái bầm chuông thế?* Câu này có tiền giả định: Có người vừa bấm chuông; Tôi không biết đó là ai. Phần trả lời ứng với từ để hỏi sẽ là một thông tin mới, được thể hiện bằng các thực từ, cụm từ, thậm chí cả câu, những từ ngữ này chưa hề xuất hiện trong câu hỏi.

4.3.2. Phụ từ nghi vấn

Câu hỏi *có V không* và *đã V chưa* khác nhau về tiêu điểm hỏi nhưng lại khá tương đồng về tình thái: cả hai đều mang tính trung tính. Có hai vấn đề đặt ra: (1) Loại câu hỏi nào xuất hiện với tần số lớn hơn? (2) Trong hai dạng câu hỏi đầy đủ và rút gọn, dạng nào phổ biến hơn?

Khảo sát với riêng tiểu thuyết *Thời xa vắng* của Lê Lựu, chúng tôi thu được kết quả sau:

Bảng 4. Tần số xuất hiện của câu nghi vấn *có - không* và *đã - chưa*

Câu nghi vấn	Tần số xuất hiện (lần)	Tỉ lệ (%)
<i>Có - không?</i>	36	85,7%
<i>Đã - chưa?</i>	6	14,3%
Tổng	42	100%

Như vậy, câu hỏi *có - không* áp đảo câu hỏi *đã - chưa*. Điều này cho thấy con người quan tâm tới việc **xác nhận sự việc** (tồn tại hay không tồn tại một hành động, tính chất,... nào đó) hơn là quan tâm đến **diễn tiến sự việc** (ý nghĩa *thể* của động từ). Câu hỏi *đã - chưa* hướng tới câu trả lời đơn giản: *V rồi/ chưa V*. Còn câu hỏi *có - không* hướng tới câu trả lời phức tạp hơn.

Đặc biệt, nếu vị từ là các từ chỉ trạng thái, tính chất, đặc điểm: *vui, buồn, nhớ, mong,...* câu trả lời được mong đợi sẽ là: xác nhận + mức độ. Ví dụ, *Cậu đi học lớp có vui không?* Người hỏi mong đợi những mô tả kĩ hơn về mức độ của trạng thái, tính chất (chẳng hạn: *Vui lắm/ Cũng khá vui/ Chán lắm/ Biết thế không đi.*), chứ không mong câu trả lời ở dạng đơn giản: *có/ không*.

Mặc dù hoàn toàn có thể lược các phụ từ đứng trước vị từ nhưng tư liệu khảo sát của chúng tôi ghi nhận câu hỏi phổ biến lại là dạng câu hỏi đầy đủ: *Đã V chưa? Có V không?*

Bảng 5. Mô hình dạng đầy đủ và rút gọn của câu chứa phụ từ nghi vấn

Kiểu mô hình	Tần số xuất hiện (lần)	Tỉ lệ (%)
<i>Có - không?</i>	26	62%
<i>V không?</i>	10	23,8%
<i>Đã - chưa?</i>	4	9,5%
<i>V chưa?</i>	2	4,8%
Tổng	42	100%

Như vậy, dạng câu hỏi đầy đủ cao gấp đôi/ hơn gấp đôi dạng rút gọn. Theo chúng tôi, việc dùng câu hỏi ở dạng đầy đủ có **giá trị nhấn mạnh vào vấn đề cần hỏi** hơn là dạng rút gọn.

Câu hỏi trong các cặp phụ từ nghi vấn (và tiểu từ nghi vấn) là dạng câu hỏi để xác nhận nội dung sự tình với tiền giả định: có một sự việc nào đó đã diễn ra. Người nói đã biết được một phần nội dung. Câu trả lời là một sự xác nhận. Ví dụ, *Anh đã đến chưa?/ Anh có đến không?* có các tiền giả định là: (1) Có 1 sự kiện nào đó diễn ra, và (2) Tôi cho rằng có lẽ anh sẽ có mặt ở sự kiện đó.

Trong nghiên cứu năm 2005, chúng tôi đã nhận định: “Một câu như: *Anh đã khoẻ chưa?* chỉ có thể được hỏi khi biết đối tượng trước đó bị ốm. Câu *Anh đã ra khỏi nhà chưa?* chỉ có thể được hỏi khi biết người đối thoại có khả năng không có nhà. Câu *Anh đã đến nhà Hoa chưa?* chỉ có thể được hỏi khi biết người đối thoại có ý định đến nhà Hoa,... Tức là luôn luôn có một tiền giả định rằng người nói cho rằng người nghe có khả năng ở trong trạng thái ấy hay có khả năng thực hiện công việc ấy”. [5, tr.69]

4.3.3. Tiểu từ nghi vấn

Tiền giả định trong câu hỏi có chứa tiểu từ nghi vấn khá tương đồng với câu hỏi có chứa phụ từ nghi vấn. Chẳng hạn câu “Anh đi à?” chỉ được hỏi khi người hỏi biết rằng *anh sắp đi đâu đó và có một nơi nào đó để anh đi*. Tuy nhiên, mức độ tin tưởng vào nội dung hỏi **cao hơn** so với câu hỏi *có - không* hay *đã - chưa*: *Tôi biết chắc chắn việc anh đi*.

Nhìn chung, các từ *à, hả* đánh dấu loại câu hỏi tổng quát với sắc thái trung tính. Các từ khác có nhiều sắc thái bổ sung tùy thuộc ngữ cảnh. Ví dụ:

- *Sao*: Đánh dấu loại câu hỏi tổng quát với sắc thái ngạc nhiên: *Tới bây giờ cô cũng chưa nhận ra tôi sao?* (*Rượu vang đỏ* - Trúc Phương)

- *Ư*: Đánh dấu loại câu hỏi tổng quát với sắc thái ngạc nhiên: *Rừng thông này là của nhà ta đấy ư mẹ?* (*Đào đá kì lạ* - Nguyễn Minh Châu); hoặc sự hờn dỗi, trách móc; ví dụ: *Thế chẳng lẽ anh lấy một người như ma mút thì mới vừa lòng em ư?* (*Thời xa vắng* - Lê Lưu).

- *Chứ*: Đánh dấu loại câu hỏi tổng quát xác nhận điều mình đã khẳng định: *Anh bằng lòng chứ?* Thiên về việc nghi rằng anh bằng lòng, mong người nghe xác nhận.

4.4. So sánh đại từ nghi vấn, phụ từ nghi vấn và tiểu từ nghi vấn

4.4.1. Điểm giống nhau

* Các nhóm từ này đều được sử dụng với chức năng hỏi. Nếu xét trên phương diện nghĩa tình thái, tất cả ba nhóm từ nghi vấn đều tham gia đánh dấu tình thái của hành động nói: hành động hỏi.

* Một số từ có thể thuộc cả hai nhóm. Ví dụ, từ *sao, đâu* vừa có thể là đại từ nghi vấn, vừa có thể là tiểu từ tình thái nghi vấn.

Riêng với từ *sao*, nếu đứng đầu câu, nó sẽ là đại từ nghi vấn, dùng để hỏi về nguyên nhân. Ví dụ: *Sao anh không đến?* Nhưng nếu đứng cuối câu, nó sẽ là tiểu từ tình thái nghi vấn: *Anh không đến sao?* Lúc này, *sao* có thể thay được bằng *à, ư* (*Anh không đến ư/ à?*). *Sao* vừa mang ý nghĩa hỏi, vừa mang ý nghĩa tình thái: thể hiện sự nuối tiếc, không hài lòng, sự ngạc nhiên của người nói đối với việc “anh không đến”. Có thể khúc giải câu này như sau: Tôi nghĩ là lẽ ra anh phải đang đến/ đã có mặt ở đây rồi - một loại ẩn dụ ngữ pháp; thường đi với câu có ý nghĩa phủ định. Tương tự: *Anh không buồn sao?* - Tôi nghĩ lẽ ra anh phải đang buồn.

Từ *đâu* cũng vậy, ví dụ: *Mà tôi đã no đâu? Đã ăn được gì đâu?* (Chu Lai). *Đâu* không mang nghĩa nghi vấn mà nhấn mạnh thêm vào sự phủ định của sự tình. Đây là kiểu câu phủ định bác bỏ. *Đâu* là một trợ từ tình thái. (Khác với *Đã no chưa? Đã ăn được gì chưa?*).

Sự biến đổi, chuyển hoá linh hoạt của các từ trong 3 nhóm khiến cho ta thấy các nhóm từ này có sự gần gũi nhau.

4.4.2. Điểm khác nhau

(1) Mục đích hỏi cụ thể của từng nhóm từ khác nhau.

* Đại từ nghi vấn: hỏi về sự vật, sự tình, về thông tin mới, những điều mà người nói hoàn toàn chưa biết (dạng câu hỏi chuyên biệt về một phạm trù nào đó) (Ví dụ: *Anh ấy đi đâu? Đi Huế*).

* Phụ từ nghi vấn: xác nhận một khả năng nhưng khả năng đó là 50 - 50. Ví dụ: *Anh có đến không? Anh đã đến chưa?* Khả năng có - không, rồi - chưa là ngang nhau. Người hỏi không thiên về khả năng nào (dạng câu hỏi tổng quát).

* Tiêu từ nghi vấn: xác nhận một khả năng nhưng người hỏi đã nhận thức đó là khả năng “cao”. Ví dụ: *Anh đi u?* Người hỏi tương đối chắc chắn về việc “anh đi”.

(2) Khả năng sử dụng độc lập để tạo câu nghi vấn của các từ khác nhau:

* Các đại từ nghi vấn có khả năng đứng một mình để tạo câu nghi vấn.

Ví dụ: - *Anh bạn tiếp tục khai thác: “Bao nhiêu?”*. (Đà Lạt - một vòng “ôm”)

Có thể gặp các câu chỉ có một đại từ nghi vấn đi với dấu hỏi chấm theo kiểu: *Ai? Gì? Bao nhiêu? Sao?* Điều này cũng cho thấy tính độc lập của đại từ: dù không có ý nghĩa sở chỉ nhưng vẫn có khả năng thay thế/ đứng đại diện cho cả một tổ hợp.

* Phụ từ không có khả năng như vậy. Dù câu có rút gọn đến mức nào thì vẫn bắt buộc phải có vị từ + *chưa/ không*. (*Đến chưa? Đến không?*)

* Tiêu từ nghi vấn cũng hầu như không đứng một mình. Không thể có câu: *À? U? Hừ?...* Ngữ liệu của chúng tôi ghi nhận một số trường hợp từ “nhé” được tách thành một câu riêng, nhưng khi ấy, nó thường được dùng với dấu chấm than với mục đích nhấn mạnh. Chức năng hỏi thấp, thường là chức năng cầu khiến: mong muốn người nghe tán đồng.

Như vậy, xét ở khả năng sử dụng độc lập để tạo thành câu riêng, xếp theo thứ tự từ cao xuống thấp, ta được kết quả: đại từ nghi vấn - tiêu từ nghi vấn - phụ từ nghi vấn.

(3) Câu trả lời cho câu hỏi có chứa từ nghi vấn

* Câu trả lời cho câu hỏi có chứa đại từ nghi vấn: phải là các thực từ, cụm từ hoặc cả một câu. Thông tin đó, người hỏi hoàn toàn chưa biết. Do vậy, nó sẽ khó đoán. Ví dụ:

- *Em dựa trên cơ sở nào thế?*

- *Cơ sở của gần hai chục năm đeo đuổi một mối tình tuyệt vọng với anh.* (Lê Lựu)

Câu trả lời là một cụm danh từ với thông tin mà người hỏi hoàn toàn không thể dự đoán.

* Câu trả lời trong câu hỏi có chứa phụ từ nghi vấn: thông thường sẽ là chính bản thân các từ đã dùng để hỏi: *chưa/ có/ không*. Do vậy, thường thì nó sẽ có 2 khả năng, nằm trong dự đoán của người nói.

Ví dụ: - *Trên nhà có lập bàn thờ không cháu?*

- *Dạ không ạ.* (Thời xa vắng - Lê Lựu)

Hoặc: - *Bố có ngủ ngoan không?*

- *Có.* (Thời xa vắng - Lê Lựu)

Tất nhiên, trong câu trả lời, các từ *chưa/ có/ không* sẽ được gọi là các phụ từ khẳng định hoặc phủ định chứ không phải các phụ từ nghi vấn. Tính độc lập của các từ này khá cao.

Có một điểm đặc biệt liên quan đến ý nghĩa thời - thể của từ *đã*: Từ *đã* biểu hiện ý nghĩa việc xảy ra trong quá khứ, kết thúc trước thời điểm nói. Ý nghĩa này có liên quan đến phụ từ “rồi”. Do vậy, từ *rồi* xuất hiện phổ biến trong câu trả lời, thay cho *đã*. Để trả lời cho câu hỏi *Anh đã đến chưa?*, thường thì người nói đáp: *Tôi đến rồi.*, hoặc *Rồi.*, chứ ít khi nói rằng: “Tôi đã đến.” hoặc “Đã.”

* Câu trả lời cho câu hỏi có tiêu từ nghi vấn: không phải là các từ nghi vấn. Ví dụ, *Anh gọi tôi hử?* Không thể trả lời là “Hử”. Như vậy, các tiêu từ nghi vấn chỉ được dùng riêng với chức năng hỏi. Tuy nhiên, câu trả lời cũng thường dễ đoán, vì sẽ có hai khả năng: xác nhận đúng vậy hoặc không.

Ví dụ: - *Sáng nay anh để em đi hử?*

- *Không.* (Thời xa vắng - Lê Lựu)

Câu trả lời cũng có thể là “Vâng” (đối với người miền Bắc), “Dạ” (đối với người miền Trung và Nam).

(4) Về vấn đề tiền giả định và hàm ý

* Đại từ nghi vấn tiền giả định tính hiện thực của sự tình được hỏi đến và sự tồn tại của đối tượng được thay bằng từ nghi vấn. Ví dụ: *Anh muốn gặp ai?* tiền giả định rằng *anh muốn gặp một người nào*

đó và có một người nào đó để anh gặp.

* Phụ từ nghi vấn có hai dạng câu hỏi. Câu hỏi có - không không chứa tiền giả định về thời gian (*Bố cậu có khỏe không?*), chỉ có tiền giả định: *Cậu có một người bố*; câu hỏi đã - chưa có tiền giả định về thời gian (*Bố cậu đã khỏe chưa?*) tiền giả định rằng *trước đó bố cậu ốm*.

* Tiêu từ nghi vấn có tiền giả định rằng người hỏi biết điều đó và tin điều đó khả năng rất cao là đã/sẽ xảy ra. (*Anh đi à? Anh đi ư?* - tiền giả định *Khả năng cao là anh đi*).

5. Kết luận

Đại từ nghi vấn, tiêu từ nghi vấn và phụ từ nghi vấn đều được dùng với mục đích hỏi, nhưng có nhiều điểm khác nhau về ngữ pháp, ngữ nghĩa, ngữ dụng. Xin tổng hợp thành bảng 6 dưới đây:

Bảng 6. So sánh đại từ nghi vấn, phụ từ nghi vấn và tiêu từ nghi vấn tiếng Việt

Tiêu chí	Đại từ nghi vấn	Phụ từ nghi vấn	Tiêu từ nghi vấn
1. Vị trí trong câu	Tương đối tự do: đứng đầu câu, cuối câu,...	a. Kết hợp thành cặp, đứng trước và sau vị từ; b. Dùng độc lập, đứng cuối câu	Đứng cuối câu
2. Chức năng ngữ pháp	Làm chủ ngữ, bổ ngữ hoặc vị ngữ trong câu có chứa từ “là”	Không đảm nhiệm chức năng thành phần câu	Không đảm nhiệm chức năng thành phần câu
3. Khả năng sử dụng độc lập	Có thể làm câu hỏi một cách độc lập.	Không thể	Không thể
4. Mục đích hỏi	Hỏi về người, vật, số lượng, thời gian, hoạt động, đặc điểm,...	Hỏi về khả năng - không nghiêng về khả năng nào.	Hỏi về khả năng - khả năng đó là “cao”
	Hỏi về sự tình		
5. Vai trò trong cấu trúc nghĩa sự vật	Có thể đảm nhiệm vai chủ thể, đối thể.	Không đảm nhiệm vai trò thành tố nghĩa	Không đảm nhiệm vai trò thành tố nghĩa
6. Câu trả lời trực tiếp, dạng rút gọn	Trả lời bằng 1 thực từ, cụm từ, 1 câu chưa từng có trong tiền giả định của người hỏi	Trả lời bằng 1 phụ từ: <i>roi, chưa, có, không</i> ,...	Trả lời bằng 1 tiêu từ/ phụ từ: <i>ừ, vâng, không</i> ,...
7. Tiền giả định (TGD) trong câu hỏi	TGD tính hiện thực của sự tình được hỏi và sự tồn tại của đối tượng được thay bằng từ nghi vấn.	TGD có 1 sự kiện nào đó diễn ra, có khả năng anh tham gia sự kiện đó.	TGD có 1 sự kiện diễn ra, khả năng cao là anh tham gia sự kiện đó.

Có thể thấy phụ từ và tiêu từ nghi vấn có nhiều điểm tương đồng (cùng đánh dấu dạng câu hỏi tổng quát), còn đại từ nghi vấn lại mang đặc điểm hoàn toàn khác biệt (đánh dấu câu hỏi chuyên biệt). Điều này một lần nữa khẳng định vị trí trung gian của đại từ: nằm giữa thực từ và hư từ, trong khi phụ từ và tiêu từ nghi vấn rất xứng đáng nằm trong nhóm hư từ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Biên. *Từ loại tiếng Việt hiện đại*. Đại học Quốc gia Hà Nội. Trường Đại học Sư phạm. 1996.
2. Đinh Văn Đức. *Ngữ pháp tiếng Việt - Từ loại*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội (tái bản 2001). 1985.
3. Cao Xuân Hạo. *Tiếng Việt - Máy vấn đề ngữ âm, ngữ pháp, ngữ nghĩa*. NXB Giáo dục. Hà Nội. 2001.
4. Cao Xuân Hạo. *Ngữ pháp chức năng tiếng Việt - quyển 2 - Ngữ đoạn và từ loại*. NXB Giáo dục. Hà Nội. 2005.
5. Trần Kim Phụng. *Ngữ pháp tiếng Việt - Những vấn đề về thời, thể*. NXB Giáo dục. 2005.
6. Nguyễn Kim Thân. *Cơ sở ngữ pháp tiếng Việt*. NXB Khoa học xã hội (tái bản 2008). 1963.
7. Bùi Minh Toán. *Giáo trình ngữ pháp tiếng Việt*. NXB Đại học Sư phạm. Hà Nội. 2007.